TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH L1**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L1

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Xuân
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Nguyễn Thị Mai Hương;
2. Bà Trần Ánh Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 462/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm G, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú: ấp Kinh Đào, xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An G, tạm trú: ấp Phước Vĩnh, xã L, huyện C, tỉnh L1, (có mặt).

Bị đơn: Ông Đoàn Tấn V, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: Khu vực Lân Thạnh 1, phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, tạm trú: ấp Phước Vĩnh, xã L, huyện C, tỉnh L1, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm G cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Vợ chồng bà G và ông V tự nguyện kết hôn, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 227, ngày 29/8/2014. Trước khi kết hôn, bà G và ông V có tìm hiểu nhau một thời gian rồi mới tiến tới hôn nhân.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi về sống chung nhà thì bà G nhận thấy là hai người tính tình không hợp nhau, có nhiều điểm bất đồng ý kiến. Bà G có tìm cách khắc phục, nhưng vợ chồng vẫn sống không hạnh phúc. Vợ chồng bà G đã ly thân từ ngày 08/3/2018 cho đến nay. Bà G nhận thấy không còn tình cảm với ôngV nên yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng bà có một người con chung tên Đoàn Trí N, sinh ngày 25/11/2014. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu Ndo bà G trực tiếp chăm sóc. Khi ly hôn, bà G yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà G xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: bà G xác định không có nợ chung.

Bị đơn ông Đoàn Tấn V trình bày: Ông V thống nhất với lời trình của bà G về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, về thời gian chung sống hạnh phúc, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông V thống nhất với lời trình bày của bà G. Mặc dù, ôngV còn tình cảm với bà G nhưng ôngV nhận thấy không còn khả năng đoàn tụ nên ôngV cũng đồng ý ly hôn với bà G.

Về con chung: Vợ chồng ly hôn, ông V cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ôngV xác định không có.

Về nợ chung: ôngV xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại các Điều 35, 39, 97, 98, 195, 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm G đối với bị đơn ông Đoàn Tấn V. Về con chung, giao cho bà Trần Thị Cẩm G nuôi dưỡng người con chung tên Đoàn Trí N, sinh ngày 25/11/2014, bà G không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, bà G, ông V đều trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Trần Thị Cẩm G khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Tấn V, ông V có nơi cư trú tại ấp Phước Vĩnh, xã L, huyện C, tỉnh L1 nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1

Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông V.

[2] Về hôn nhân: bà Trần Thị Cẩm G và ông Đoàn Tấn V có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 227, ngày 29/8/2014, nên xác định hôn nhân giữa bà G và ông V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà G cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn. Nguyên nhân mâu thuẫn, bà G nhận thấy là hai người tính tình không hợp nhau, có nhiều điểm bất đồng ý kiến. Bà G có tìm cách khắc phục, nhưng vợ chồng vẫn sống không hạnh phúc. Vợ chồng bà G đã ly thân từ ngày 08/3/2018 cho đến nay. Về phía ông V, ông V thống nhất với lời trình bày của bà G về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về thời gian ly thân. Ông V nhận thấy rằng vợ chồng không có khả năng hàn gắn tình cảm nên ông V đồng ý ly hôn với bà G. Hội đồng xét xử xét thấy cả bà G và ông V đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà G và ông V không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G đối với ông V.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống, bà G và ông V có một người con chung tên Đoàn Trí Nguyên, sinh ngày 25/11/2014. Khi ly hôn, cả bà G và ông V đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyên. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân, cháu Nguyên do bà G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, do đó, để bảo đảm sự phát triển ổn định của cháu Nguyên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G, giao cháu Nguyên cho bà G nuôi dưỡng. Bà G không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà G và ông V đều xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G đối với ông V là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bà G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm G về việc yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Tấn V.

Về hôn nhân: bà Trần Thị Cẩm G được ly hôn với ông Đoàn Tấn V.

Về con chung: giao cho bà Trần Thị Cẩm G nuôi dưỡng người con chung tên Đoàn Trí Nguyên, sinh ngày 25/11/2014. Ông Đoàn Tấn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: bà Trần Thị Cẩm G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai G số 0008932 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L1;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND phường T, quận T, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Thu Xuân